



MATERIAL SAFETY DATA SHEET

THÔNG TIN AN TOÀN VỀ SẢN PHẨM

SECTION 1: PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION

PHẦN I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Product Name:	TOA WALL MASTIC EXTERIOR
<i>Tên sản phẩm</i>	TOA WALL MASTIC EXTERIOR - BỘT TRÉT TOA CAO CẤP NGOẠI THẤT
Manufacturer Name:	TOA PAINT (VIETNAM) CO.,LTD.
<i>Tên nhà sản xuất</i>	CÔNG TY TNHH SƠN TOA (VIỆT NAM)
Address:	Road No.2, Tan Dong Hiep A IP, Di An City Binh Duong Province, Vietnam.
<i>Địa chỉ</i>	Đường số 2,KCN Tân Đông Hiệp A, Thành phố Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam Tel: +84-0274-3775678 Điện thoại : +84-0274-3775678
Business Phone:	+84-0274-3775678
<i>Điện thoại giao dịch</i>	+84-0274-3775678
Business Fax:	+84-0274-3775005
<i>Số fax giao dịch</i>	+84-0274-3775005

SECTION 2: COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Chemical Name	Cas No.
Tên hóa chất	
Portland cement:	65997-15-1
Calcium Carbonate	1317-65-3
Additive:	N/A

SECTION 3: HAZARDS IDENTIFICATION

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC NGUY HẠI CỦA SẢN PHẨM

Emergency Overview:	Irritating.
<i>Tổng quan tình trạng khẩn cấp</i>	<i>Kích ứng</i>
Potential Health Effects:	
<i>Khả năng ảnh hưởng sức khỏe</i>	
Eye Contact:	Uncured product contact may irritate the eyes.
<i>Khi tiếp xúc với mắt</i>	<i>Tiếp xúc sản phẩm chưa đóng rắn có thể gây kích ứng mắt.</i>
Skin Contact:	Uncured product contact may irritate the skin.
<i>Khi tiếp xúc với da</i>	<i>Tiếp xúc sản phẩm chưa đóng rắn có thể gây kích ứng da.</i>
Inhalation:	Prolonged or excessive inhalation may cause respiratory tract irritation.
<i>Khi hít phải</i>	<i>Hít lâu dài hoặc quá mức có thể gây kích ứng đường hô hấp.</i>
Ingestion:	May be harmful if swallowed. May cause vomiting.
<i>Khi nuốt phải</i>	<i>Có thể gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây nôn.</i>
Chronic Skin Contact:	Prolonged or repeated contact may cause skin irritation.
<i>Tiếp xúc thường xuyên với da</i>	<i>Tiếp xúc lâu dài hoặc liên tục có thể gây kích ứng đường hô hấp.</i>
Target Organs:	Eyes. Skin. Respiratory system. Digestive system.
<i>Các cơ quan chủ đích</i>	<i>Mắt, da, hệ thống hô hấp, hệ thống tiêu hóa.</i>
Signs/Symptoms:	Overexposure may cause headaches and dizziness.
<i>Các dấu hiệu và triệu chứng</i>	<i>Tiếp xúc nhiều có thể gây đau đầu và chóng mặt.</i>

Aggravation of Pre-Existing Conditions: None generally recognized.

Conditions:

Điều kiện gây trầm trọng hơn

Không có báo cáo.

SECTION 4: FIRST AID MEASURES

PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Eye Contact:	Immediately flush eyes with plenty of water for 15 to 20 minutes. Get medical attention, if irritation or symptoms of overexposure persists.
<i>Khi tiếp xúc với mắt</i>	<i>Rửa mắt ngay với nước trong vòng 15 đến 20 phút. Nếu bị khó chịu hoặc có triệu chứng của việc tiếp xúc quá lâu phải tìm bác sĩ tư vấn.</i>
Skin Contact:	Immediately wash skin with soap and plenty of water. Get medical attention if irritation develops or persists.
<i>Khi tiếp xúc với da</i>	<i>Rửa da ngay với xà phòng và nhiều nước. Nếu vẫn bị rát phải tìm bác sĩ tư vấn.</i>
Inhalation:	If inhaled, remove to fresh air. If not breathing, give artificial respiration or give oxygen by trained personnel. Seek immediate medical attention.
<i>Khi hít phải</i>	<i>Nếu hít phải, di chuyển đến nơi không khí trong lành. Nếu không thở được, tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc cung cấp oxy. Yêu cầu gặp bác sĩ tư vấn ngay lập tức.</i>
Ingestion:	If swallowed, call a doctor or send to the nearest medical center immediately. Never give anything by mouth to an unconscious person.
<i>Khi nuốt phải</i>	<i>Nếu nuốt phải, gọi bác sĩ hoặc đưa đến trung tâm y tế gần nhất ngay lập tức. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng của người đã bất tỉnh.</i>
Other First Aid:	Due to possible aspiration into the lungs, DO NOT induce vomiting if ingested. Provide a glass of water to dilute the material in the stomach. If vomiting occurs naturally, have the person lean forward to reduce the risk of aspiration.
<i>Các biện pháp sơ cứu khác</i>	<i>Có khả năng hít vào phổi, không gây nôn mửa nếu nuốt phải. Uống 1 ly nước để pha loãng nguyên liệu trong dạ dày. Nếu xảy ra nôn mửa, cần có người dốc ngược về phía trước để giảm nguy cơ hít vào.</i>

SECTION 5: FIRE FIGHTING MEASURES

PHẦN 5 : CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG CHÁY

Flash Point:	No Application .
<i>Điểm chớp cháy</i>	<i>Không áp dụng.</i>
Extinguishing Media:	Use alcohol foam, carbon dioxide, dry chemical, or water fog or spray when fighting fires involving this material.
<i>Phương tiện chữa cháy</i>	<i>Sử dụng bọt cồn, CO₂, hóa chất khô, hoặc phun nước khi chữa cháy.</i>
Protective Equipment:	As in any fire, wear self-contained breathing apparatus pressure-demand, MSHA/NIOSH (approved or equivalent) and full protective gear.
<i>Trang bị bảo hộ</i>	<i>Mang bình dưỡng khí, MSHA/NIOSH (đã được chấp thuận hoặc tương đương) và các dụng cụ bảo hộ khác.</i>

SECTION 6: ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

PHẦN 6 : CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TAI NẠN

Personal Precautions:	Use proper personal protective equipment as listed in section 8.
<i>Đề phòng cá nhân</i>	<i>Dùng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp đã liệt kê trong phần 8.</i>
Spill Cleanup Measures:	Use water vapor to make spills become wet to prevent dust. Then collect

and put into a chemical waste container. Provide ventilation. Clean up spills immediately observing precautions in the protective equipment section.

Các biện pháp dọn sạch sự cố đổ hóa chất Dùng hơi nước để làm ẩm phần bột trét bị tràn đổ để tránh bụi. Sau đó thu gom và cho vào thùng chứa rác thải hóa chất. Làm thông thoáng khu vực bị tràn đổ. Vệ sinh ngay lập tức các vết đổ trên bảo hộ lao động nếu có.

Environmental Precautions: Avoid runoff into storm sewers, ditches, and waterways.
Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường Tránh không cho hoá chất chảy vào cống rãnh, mương rạch, sông ngòi.

SECTION 7: HANDLING AND STORAGE

PHẦN 7 : SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ

Handling: Use with adequate ventilation. Avoid breathing vapor and contact with eyes, skin and clothing.
Sử dụng Sử dụng trong điều kiện thông thoáng. Tránh hít thở hơi hoá chất, tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo.

Storage: Store in a cool, dry, well ventilated area. Should put on the pallet , not put directly on the floor for avoiding the moisture.
Lưu trữ Lưu trữ nơi thoáng mát, khô ráo. Nên đặt trên pallet, không nên để trực tiếp lên sàn nhà để tránh ẩm .
Should use all when opening the bag.
Nên sử dụng hết sau khi đã mở bao .

Hygiene Practices: Wash thoroughly after handling. Avoid contact with eyes and skin.
Vệ sinh Avoid inhaling dust vapor or mist.
Tắm rửa sạch sẽ sau khi sử dụng, tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải bụi.

SECTION 8: EXPOSURE CONTROLS, PERSONAL PROTECTION

PHẦN 8 : KIỂM SOÁT TIẾP XÚC TRỰC TIẾP HOÁ CHẤT / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Engineering Controls: Only use in good ventilation.
Kiểm soát kỹ thuật Chỉ sử dụng sản phẩm ở nơi có sự thông gió đầy đủ.

Personal Protect equipment: Gloves , Hard shoes , Mask .
Bảo hộ lao động Găng tay, giày bảo hộ, khẩu trang .

Other Protective: Facilities storing or utilizing this material should be equipped with an eyewash facility and a safety shower.
Phương pháp bảo vệ khác Nơi lưu trữ hay sử dụng các nguyên liệu này thì nên trang bị vòi rửa mắt.

SECTION 9: PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

PHẦN 9 : TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HOÁ HỌC

Physical State/Appearance: Powder
Trạng thái vật lý/Ngoại quan Dạng bột

Color: White
Màu sắc Màu trắng

Bulk Density: 965-1045 g/dm³
Tỷ trọng xấp 965-1045 g/dm³

SECTION 10: STABILITY AND REACTIVITY

PHẦN 10 : ĐỘ BỀN VÀ PHẢN ỨNG

Chemical Stability: Stable
Ổn định hóa chất Ổn định

Conditions to Avoid:	High moisture
<i>Điều kiện nên tránh</i>	<i>Độ ẩm cao</i>
Incompatibilities with	None Known
Other Materials:	
<i>Những nguyên liệu không tương thích</i>	<i>Không</i>
Hazardous Polymerization:	Not reported.
<i>Những chất trùng hợp nguy hiểm</i>	<i>Không có báo cáo.</i>
Hazardous Decomposition	No dangerous decomposition products known.
Products:	
<i>Những chất nguy hiểm tạo ra khi sản phẩm bị phân hủy</i>	<i>Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm .</i>

SECTION 11: TOXICOLOGICAL INFORMATION

PHẦN 11 : THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Toxicity:	No toxicity data was found for the product.
<i>Độc tính:</i>	<i>Không có thông tin về độc tính cho sản phẩm.</i>

SECTION 12: ECOLOGICAL INFORMATION

PHẦN 12 : THÔNG TIN SINH THÁI

Ecotoxicity:	No ecotoxicity data was found for the product.
<i>Thông tin về sinh thái</i>	<i>Không có thông tin về độc tính sinh thái của sản phẩm này.</i>
Environmental Fate:	No environmental information found for this product.
<i>Sự hủy diệt môi trường</i>	<i>Không có thông tin về sự hủy diệt môi trường của sản phẩm này.</i>

SECTION 13: DISPOSAL CONSIDERATIONS

PHẦN 13 : XEM XÉT CÁC LOẠI BỎ

Waste Disposal:	Consult local classifications of hazardous waste and regulation prior to disposal. If applicable, to ensure compliance.
<i>Phân hủy rác thải</i>	<i>Khi phân loại rác thải để thải bỏ, phải tham khảo những nguyên tắc và quy định về rác thải ở địa phương. Nếu thải bỏ, phải đúng quy định của địa phương.</i>

SECTION 14: TRANSPORT INFORMATION

PHẦN 14 : THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Classification for ROAD and rail transportation.	
- <i>Phân loại cho vận chuyển đường bộ và đường sắt.</i>	Not regulated (not dangerous for transportation) <i>Không quy định (Không nguy hiểm cho quá trình vận chuyển)</i>
- Classification for SEA transportation (MIO-MIDG)	
- <i>Phân loại cho vận chuyển đường thủy (MIO-MIDG)</i>	Not regulated (not dangerous for transportation) <i>Không quy định (Không nguy hiểm cho quá trình vận chuyển)</i>
- Classification for AIR transportation (IATA/ ICAO)	
- <i>Phân loại cho vận chuyển đường hàng không (IATA/ICAO)</i>	Not regulated (not dangerous for transportation) <i>Không quy định (Không nguy hiểm cho quá trình vận chuyển)</i>

SECTION 15: REGULATORY INFORMATION**PHẦN 15 : THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH**

- 06/2007/QH12 Luật hoá chất
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất
- Thông tư 32/2017/TT-BCT - quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/nđ-cp ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- 43/2017/NĐ-CP Nghị định về nhãn hàng hóa

SECTION 16: ADDITIONAL INFORMATION**PHẦN 16 : THÔNG TIN THÊM****TOAV SIRE CODE regulation (Quy định SIRE CODE)**

HEALTH	ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE	1
FLAMMABILITY	KHẢ NĂNG BỐC CHÁY	0
REACTIVITIES	KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG	0
PROTECTIVE EQUIPMENT	THIẾT BỊ BẢO HỘ	A

MSDS Revision Date: 1/7/2020

Ngày ban hành bản MSDS 1/7/2020

Disclaimer (Cảnh báo):

The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation.

Những thông tin cung cấp trong "Trang Dữ Liệu An Toàn Về Sản Phẩm" đúng với kiến thức tốt nhất của chúng tôi, thông tin và độ tin cậy tại thời điểm công bố. Những thông tin đưa ra chỉ nhằm mục đích hướng dẫn an toàn trong quá trình sử dụng, lưu kho, xử lý và vận chuyển sản phẩm.

